

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định hóa đơn, chứng từ. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước liên quan đến các chính sách của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, chịu tác động sâu rộng của đại dịch COVID-19, xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng, lạm phát toàn cầu gia tăng và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Cùng với đó, quá trình toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, kinh doanh và giao dịch xuyên biên giới, đặt ra nhiều thách thức mới đối với công tác quản lý thuế truyền thống. Trước yêu cầu đảm bảo an ninh, tài chính – ngân sách, các quốc gia và tổ chức quốc tế, đặc biệt là Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), đã thúc đẩy triển khai các sáng kiến chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS), tăng cường minh bạch thông tin, quản lý thuế đối với nền kinh tế số và các tập đoàn đa quốc gia. Xu hướng chung là hoàn thiện khung pháp lý về quản lý thuế theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường quản lý rủi ro, nâng cao trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế và hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan thuế.

Về tình hình trong nước, nền kinh tế Việt Nam đang trải qua giai đoạn phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm trên 6 – 7%, sự bùng nổ của kinh tế số, thương mại điện tử và hoạt động xuất nhập khẩu đạt kim

ngạch hàng trăm tỷ USD. Song song với tốc độ phát triển, nền kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức đan xen. Đáng chú ý là hiện tượng suy giảm nguồn thu ngân sách ở nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng điểm vốn có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu không chỉ đạt thấp hơn so với mục tiêu đề ra mà còn giảm so với cùng kỳ năm trước. Tình hình càng trở nên phức tạp hơn khi thiên tai, dịch bệnh, hạn hán và bão lũ diễn biến khó lường, gây thiệt hại nặng nề cho nhiều địa phương. Những yếu tố này đã tạo áp lực rất lớn lên công tác điều hành phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động quản lý thuế nói riêng, đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và linh hoạt để thích ứng với tình hình mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế nhằm tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát các định hướng trọng yếu của Đảng và Nhà nước, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc áp dụng hóa đơn điện tử tại Việt Nam tạo tiền đề cho công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, minh bạch hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường công tác phòng chống gian lận thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Qua hơn 05 năm thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, công tác quản lý thuế, thu thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu; nhận thức của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (NSNN) được nâng cao; bộ máy hành chính thuế không ngừng được kiện toàn, đội ngũ cán bộ, công chức quản lý thuế từng bước chuyên nghiệp, chuyên sâu. Nghị định đã góp phần hoàn thiện khung pháp lý quản lý thuế hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thuế, nộp thuế điện tử, giảm thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho hàng triệu người nộp thuế, đặc biệt là doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh. Các quy định về kê khai thuế, tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, quản lý nợ thuế, hoàn thuế, cưỡng chế nợ thuế đã nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước, tăng cường chống thất thu thuế, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới và nhà thầu nước ngoài.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thi hành Nghị định cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục, chưa phù hợp với ngành đặc thù được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành như ngân hàng, bảo hiểm, làm tăng thủ tục hành chính, tăng chi phí tuân thủ cho người nộp thuế vừa ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam, vừa ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan quản lý thuế.

Từ thực tế trên và yêu cầu đổi mới, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế đòi hỏi phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để hoàn thiện.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

2.1. Đánh giá chung

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được ban hành ngày 19/10/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022. Trên cơ sở thực hiện đồng thời các nhiệm vụ tổng kết thi hành và nghiên cứu, rà soát đối với Luật Quản lý thuế năm 2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019 và ngày 10/12/2025, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 108/2025/QH15.

Qua quá trình triển khai, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho công tác quản lý thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tăng thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

2.2. Quá trình thực hiện tổng kết

Triển khai nhiệm vụ xây dựng Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động đánh giá, tổng kết như sau:

(1) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật QLT năm 2019 và các văn bản có liên quan như Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật Hải quan, Luật Chứng khoán, Luật Giao dịch điện tử, Luật các tổ chức tín dụng,

(2) Tổng hợp kiến nghị vướng mắc từ các nguồn khác nhau (tổng kết thi hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, các phản ánh kiến nghị từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp trong

quá trình thực hiện Nghị định).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, căn cứ Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ (sau gọi chung là Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) với mục tiêu là áp dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân kinh doanh từ ngày 01/7/2022, khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về HĐĐT trước ngày 01/7/2022.

Bộ Tài chính xác định triển khai hoá đơn điện tử là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng của ngành tài chính nhằm thúc đẩy trong chuyên đổi số tại các doanh nghiệp, chuyển đổi số đối với cơ quan thuế cũng như trong các cơ quan nhà nước khác vì đây là lần đầu tiên ngành tài chính xây dựng một hệ thống công nghệ thông tin phục vụ việc lập, cấp mã, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử hoạt động 24h/7ngày. Việc triển khai hoá đơn điện tử sẽ góp phần chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, phương thức quản lý, tổ chức thực hiện của cơ quan thuế theo hướng tự động nhằm cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi, giảm chi phí, tăng năng suất hoạt động của doanh nghiệp. Do đó Bộ Tài chính đã tập trung xây dựng hệ thống văn bản QPPL hướng dẫn cùng với việc ban hành các quy trình, quyết định hướng dẫn về hóa đơn điện tử, đồng thời có giải pháp để tổ chức triển khai cụ thể như:

1. Về việc xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn:

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế được ban hành ngày ngày 19/10/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022 và để triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành 02 Thông tư hướng dẫn cụ thể: Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 và Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ.

Đồng thời Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế/ Cục Thuế) đã ban hành các Quy trình, Quyết Định số 1447/QĐ-TCT ngày 5/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Quyết định số 2799/QĐ-CT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử; Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07 tháng 10 năm 2021, Quyết định 1271/QĐ-CT Ngày 30/5/2025 công bố định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử, định dạng chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan

thuế và quy trình quản lý hóa đơn điện tử. Các văn bản này là cơ sở để cơ quan thuế các cấp quản lý việc sử dụng HĐĐT và là cơ sở để các doanh nghiệp, các tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT xây dựng phần mềm để áp dụng thực tế.

2. Về việc tổ chức triển khai áp dụng:

Với quyết tâm kiên quyết triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên cả nước, đảm bảo đến ngày 1/7/2022 100% các doanh nghiệp trên cả nước đều phải áp dụng HĐĐT, ngay từ tháng 11 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết định triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 1 tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Bình Định) và có các văn bản gửi Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố Quyết định số 1830/QĐ-BTC, 1831/QĐ-BTC, 1832/QĐ-BTC, 1833/QĐ-BTC, 1838/QĐ-BTC, 1839/QĐ-BTC ngày 20/09/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc áp dụng hóa đơn điện tử từ tháng 11/2021 tại địa bàn 6 tỉnh, thành phố; công văn số 10847/BTC-TCT gửi Ủy ban nhân dân 6 tỉnh, thành phố đề nghị phối hợp triển khai HĐĐT.

Trên cơ sở kết quả, kinh nghiệm triển khai giai đoạn 1, đến tháng 2/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 24/2/2022 về việc triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 2 tại 57 tỉnh, thành phố. Qua đó, tiếp tục triển khai áp dụng HĐĐT giai đoạn 2 tại 57 tỉnh, thành phố còn lại. Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ công bố triển khai hệ thống HĐĐT trên toàn quốc (ngày 21/4/2022), Bộ Tài chính đã chỉ đạo Cục thuế các tỉnh, thành phố: báo cáo UBND tỉnh để thành lập Ban chỉ đạo triển khai HĐĐT tại 63 tỉnh, thành phố do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban. Tại cơ quan Tổng cục Thuế (cấp trung ương) đã thành lập Trung tâm điều hành và hỗ trợ triển khai hóa đơn điện tử và tất cả các địa phương đều thành lập Trung tâm điều hành hóa đơn điện tử với mục tiêu tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp kịp thời các yêu cầu phát sinh trong quá trình triển khai thông qua hệ thống đường dây nóng qua các số điện thoại hỗ trợ, kênh hỗ trợ điện tử thông qua email hỏi đáp về hóa đơn điện tử: duongdaynonghddt@gdt.gov.vn giúp NNT gửi các câu hỏi vướng mắc về hóa đơn điện tử để Tổng cục Thuế trả lời.

3. Công tác tuyên truyền về hóa đơn điện tử:

- Công TTĐT Cục Thuế và Công TTĐT của 63 Thuế địa phương liên tục cập nhật, phổ biến các quy định, quy trình, hướng dẫn về hóa đơn điện tử; các văn bản giải đáp vướng mắc của NNT; viết tin, bài phản ánh hoạt động của cơ quan thuế; đăng tải các thông cáo báo chí để công khai các thông tin về chính sách hóa đơn điện tử cũng như kết quả triển khai hoạt động của cơ quan thuế.

- Công tác phối hợp tuyên truyền với các báo điện tử, xây dựng chuyên mục tuyên truyền riêng về hóa đơn điện tử trên một số báo điện tử lớn như Thời báo Tài chính VN, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp

điện tử, báo Điện tử VTC news,... được tăng cường và mang lại nhiều hiệu ứng thông tin tích cực cho cộng đồng người dân và doanh nghiệp.

- Công tác tuyên truyền hóa đơn điện tử trên Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói được chú trọng. Các chương trình chuyên mục về thuế được xây dựng với kịch bản kỹ càng, truyền tải thông điệp về chính sách thuế hiện hành theo hướng gần gũi, dễ hiểu. Một số chương trình điển hình là “Thuế và Đời sống” được phát sóng trên Kênh VTV1; “Thuế Nhà nước” trên Truyền hình Nhân dân, Truyền hình kỹ thuật số VTC; truyền hình Thông tấn xã. Trên Đài Tiếng nói Việt Nam, các chương trình tuyên truyền về hóa đơn điện tử được phát sóng trong khung giờ cao điểm dưới nhiều hình thức tuyên truyền như tin, bài, tọa đàm chuyên sâu, phóng sự...

Đặc biệt, năm 2024 đánh dấu những nỗ lực đáng kể trong công tác hỗ trợ người nộp thuế. Cơ quan thuế các cấp đã tổ chức 1.451 buổi đối thoại/tập huấn theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự tham dự của 242,5 nghìn lượt NNT để kịp thời giải đáp những vướng mắc của NNT, hướng dẫn về các chính sách thuế. Trực tiếp hướng dẫn cho khoảng 880 nghìn lượt NNT tại bộ phận “một cửa”. Hỗ trợ hơn 3,2 triệu lượt NNT qua hình thức thư điện tử, mạng xã hội, website của cơ quan thuế. Đây là hình thức hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và tiết kiệm được chi phí. Hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ tiếp tục được nâng cấp và vận hành ổn định, cơ quan thuế đã giải đáp 5.211 câu hỏi do NNT gửi đến (đạt tỷ lệ 89%).

Điểm nhấn trong năm 2024 là việc ra mắt ứng dụng Chatbot AI – “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào ngày 21/11/2024. Ứng dụng này đã thu hút 4,5 nghìn người đăng ký sử dụng và giải đáp được 29,9 nghìn câu hỏi, thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ người nộp thuế.

Hệ thống 479 kênh Hỏi - Đáp được nâng cấp với 47 loại câu hỏi được phân loại cụ thể, kết hợp với chức năng phân luồng tự động đã giúp việc giải đáp thắc mắc của người nộp thuế được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Trong năm 2023, cơ quan thuế đã giải đáp gần 5.900 câu hỏi, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

- Ở các địa phương, công tác phối hợp tuyên truyền hóa đơn điện tử trên Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói địa phương cũng được triển khai đồng bộ được thực hiện trên các đài truyền hình địa phương và các tin, bài được phát sóng trên hệ thống phát thanh của các địa phương.

- Hầu hết cơ quan thuế các cấp đều có tài khoản mạng xã hội: Cấp Cục Thuế có trang fanpage, kênh youtube; bên cạnh kênh tuyên truyền là fanpage và kênh youtube, rất nhiều Thuế tỉnh, cơ sở có kênh Zalo riêng như Vĩnh Phúc, Hồ

Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Yên Bái,...Thực tế công tác triển khai tuyên truyền cho thấy, mạng xã hội là một phương thức tuyên truyền rất hiệu quả bởi tính kịp thời và thuận tiện của nó. Thông tin từ cơ quan thuế được chuyển trực tiếp tới NNT thông qua tài khoản Zalo cụ thể của NNT, NNT không mất thời gian tra cứu, tìm hiểu mà tiếp nhận thông tin một cách chính thống từ cơ quan quản lý thuế.

Tại Tổng cục Thuế/ Cục Thuế đã tổ chức Chương trình hỗ trợ trực tuyến về hóa đơn điện tử, cụ thể:

- Chương trình được tổ chức ngày 15/6/2022 với số lượng câu hỏi tiếp nhận qua Cổng TTĐT là 797 câu hỏi, đã trả lời và đăng tải 147 câu trả lời, đáp ứng 80% nội dung của NNT gửi đến.

- Livestream trên fanpage facebook của Cục Thuế hướng dẫn những lưu ý quan trọng trong sử dụng hóa đơn điện tử và giải đáp một số vướng mắc của NNT. Kết quả là tổng số lượng người xem trực tiếp là hơn 8.400 lượt, gần 2.000 bình luận tương tác, hơn 2.300 lượt chia sẻ, số lượng người tiếp cận là hơn 80.000 người.

Những nỗ lực này đã mang lại sự chuyển biến tích cực, thể hiện qua sự hài lòng và tin tưởng ngày càng cao của cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Mức độ hài lòng của người nộp thuế đã tiệm cận với mục tiêu đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế, minh chứng cho sự đồng thuận và tin tưởng vào những cải cách của ngành.

4. Triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn”

Triển khai Luật Quản lý thuế năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Thông tư số 78/2021/TT-BTC, để khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, Tổng cục Thuế đã thực hiện thí điểm chương trình “Hóa đơn may mắn” 02 đợt trên cơ sở dữ liệu HĐĐT có mã của cơ quan thuế của giai đoạn I triển khai HĐĐT tại 06 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Định). Ngày 29/4/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có thư gửi Đồng chí Bí thư các tỉnh, thành ủy và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố đề nghị quan tâm, chỉ đạo và ủng hộ chủ trương áp dụng HĐĐT, góp phần thúc đẩy người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, tạo sự minh bạch trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tránh thất thu cho Ngân sách Nhà nước.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính về việc tiếp tục triển khai Chương trình “Hóa đơn may mắn” để khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ

quan thuế, Tổng cục Thuế ban hành công văn số 3199/TCT-DNNCN ngày 29/8/2022 và công văn số 3700/TCT-CNTT ngày 07/10/2022 về triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn” và xây dựng, triển khai phần mềm hóa đơn may mắn tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Theo đó, các Cục Thuế chủ động tổ chức triển khai các nội dung gồm: phối hợp với các cơ quan Tuyên giáo, cơ quan thông tấn báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, chi nhánh/văn phòng đại diện của VCCI để tổ chức tuyên truyền, phổ biến lợi ích của việc lấy hóa đơn và mục tiêu của chương trình “Hóa đơn may mắn” đến toàn thể người dân trên địa bàn; Thành lập Hội đồng giám sát để tổ chức chương trình “Hóa đơn may mắn”; xây dựng cơ cấu giải thưởng phù hợp, đảm bảo đủ hấp dẫn để khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn; Rà soát các dữ liệu hóa đơn điện tử đủ điều kiện tham dự lựa chọn hóa đơn may mắn; Tổ chức triển khai lựa chọn hóa đơn may mắn quý II-III/2022

Kết quả đến ngày 15/10/2024, đã có 09 đợt quay thưởng trên toàn quốc, các Cục Thuế đã lựa chọn được 11.220 giải thưởng với tổng giá trị 28,7 tỷ đồng, giá trị giải thưởng từ 500.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Việc triển khai chương trình “Hóa đơn may mắn” đã tạo hiệu ứng truyền thông, tuyên truyền rộng khắp trong việc khuyến khích người mua có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ, biết đến cũng như sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế.

5. Triển khai “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền”

Tháng 8/2022, Bộ Tài chính tiếp tục chỉ đạo triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền đối với các cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, kinh doanh vàng, trung tâm thương mại và một số dịch vụ cung cấp trực tiếp đến người tiêu dùng.

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn:

- Các Cục Thuế rà soát, báo cáo số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc diện áp dụng triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền;
- Ngành thuế hoàn thiện hệ thống quản lý hóa đơn điện tử đáp ứng yêu cầu triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.
- Yêu cầu các Cục Thuế thành lập Ban chỉ đạo, Tổ triển khai Chương trình “Hóa đơn may mắn” kết hợp với Chương trình triển khai HĐĐT có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.
- Tổ chức công tác tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ cho NNT tập trung vào các quy định của chính sách pháp luật hóa đơn điện tử đối với hóa đơn điện tử có

mã Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền (Điều kiện để được áp dụng HĐĐT từ máy tính tiền; Quy định về hình thức HĐĐT từ máy tính tiền; Lợi ích của việc áp dụng HĐĐT từ máy tính tiền).

- Rà soát danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai hóa đơn điện tử có mã Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền.

Với việc triển khai hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người mua và người bán như:

- Người bán chủ động 24/7 trong việc lập hóa đơn khi có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ, xử lý triệt để vướng mắc trong thời gian qua về độ trễ giữa thời điểm thanh toán và thời điểm lập hóa đơn và người mua có thể nhận hóa đơn điện tử ngay khi thanh toán – tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng có được hóa đơn để tham gia Chương trình “Hóa đơn may mắn”.

- Người bán không phải trang bị thiết bị chuyên dụng và không cần phải tốn chi phí để tích hợp card kết nối với cơ quan thuế.

- Không bắt buộc có chữ ký số.

- Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

- Chủ động 24/7 trong việc xử lý sai, sót phát sinh ngay trên thiết bị của NNT nếu đã được cài đặt phần mềm hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền theo chuẩn của Cơ quan thuế.

- Cuối ngày chỉ phải chuyển dữ liệu HĐĐT đã sử dụng trong ngày cho Cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.

Kết quả đạt được:

Số lượng hóa đơn điện tử như sau:

Năm	HĐĐT có mã	HĐĐT có mã	HĐĐT bảng tổng hợp	HĐĐT từng lần phát sinh	HĐ từ MTT	Tổng HĐ
Khi triển khai đến 2023	1.798.009.183	1.709.985.132	2.762.496.301	1.409.240		6.271.899.856
2024	1.028.073.030	1.525.244.963	1.593.699.830	778.260	1.366.965.142	5.514.761.225
2025	1.271.790.802	2.287.594.400	1.815.956.275	454.119	3.733.672.840	9.109.468.436

Tổng số	4.097.873.015	5.522.824.495	6.172.152.406	2.641.619	5.100.637.982	20.896.129.517
----------------	----------------------	----------------------	----------------------	------------------	----------------------	-----------------------

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc phát hiện sai sót và kê khai điều chỉnh số liệu khai thuế GTGT như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng.

STT	Năm	Số thuế GTGT đầu ra NNT bổ sung điều chỉnh tăng thêm	Số thuế GTGT đầu vào NNT bổ sung điều chỉnh giảm:
1	2023	3.327,31	
2	2024	3.597,23	1.401,18
3	2025	5.853,84	5.669,19
TỔNG CỘNG		12.778.38	7.070,37

Tăng thu ngân sách qua các năm như sau:

- Thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt được những kết quả tích cực, thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán, quy mô số thu ngân sách ngày càng tăng, cơ cấu thu chuyển dịch theo hướng bền vững với tỷ trọng thu nội địa ngày càng cao, giảm dần phụ thuộc vào thu từ dầu thô và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa trong công tác quản lý thu, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế và hải quan đã góp phần tăng tính minh bạch, tăng cường hiệu quả quản lý, chống thất thu. Nhờ nguồn lực tài chính dồi dào đã giúp Nhà nước đảm bảo chi cho đầu tư phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, chuyển đổi số quốc gia và ứng phó hiệu quả với đại dịch COVID-19, đặc biệt là có nguồn lực để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân hồi phục nhanh nền kinh tế sau giai đoạn dịch bệnh. Tổng thu NSNN do cơ quan thuế và cơ quan hải quan quản lý từ 01/7/2020 đến 31/12/2024 đã có mức tăng trưởng đáng kể, cụ thể:

Tổng thu nội địa:

Tính đến cuối năm 2024, tổng thu NSNN giai đoạn 2020-2024 đạt khoảng 8,736 triệu tỷ đồng, đạt 115,1% so dự toán, trong đó, tổng thu thuế, phí đạt 7,026 triệu tỷ đồng, chiếm 14,7% GDP; thu nội địa đạt 7,251 triệu tỷ đồng, chiếm 83%

tổng thu NSNN, đạt 14,1% dự toán, thu nội địa hàng năm đều vượt dự toán¹. Tỷ lệ huy động thu ngân sách chiếm khoảng 18,2%/GDP, trong đó, tỷ lệ huy động thu thuế phí đạt 14,7% trên GDP. Cơ cấu thu NSNN tiếp tục chuyển biến theo hướng bền vững hơn, tỷ trọng thu nội địa giai đoạn 2020-2024 chiếm khoảng 83% trong tổng thu NSNN. Quy mô thu NSNN ngày càng tăng, tổng thu NSNN từ mức 1,51 triệu tỷ đồng của năm 2020 đã tăng lên mức 2,044 triệu tỷ vào năm 2025, tương đương gấp 1,35 lần so với năm 2020, trong đó, thu nội địa thực hiện gấp 1,32 lần. Tốc độ tăng thu giai đoạn 2020-2024 tăng bình quân khoảng 7,8%/năm, trong đó, tốc độ tăng thu nội địa bình quân khoảng 7,3%/năm.

Tuy nhiên, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước và cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện Luật Quản lý thuế nói chung và hóa đơn, chứng từ nói riêng.

2.1.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế

Nghị định hóa đơn, chứng từ đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của ngành thuế Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế. Điều này đã giúp hình thành hệ thống quản lý thuế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới.

2.2. Bất cập, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP cũng phát sinh một số tồn tại, hạn chế mới phát sinh trong thực tiễn:

Thứ nhất, Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành một số Kết luận, Nghị quyết, Luật liên quan có ảnh hưởng đến một số quy định của Nghị định hóa đơn, chứng từ như:

- Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu chủ đạo và xuyên suốt là *xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.*

¹ Thu nội địa năm 2020 đạt 1,294 triệu tỷ đồng (đạt 100,2% dự toán), năm 2021 đạt 1,313 triệu tỷ đồng năm 2021 (vượt 15,9% dự toán), năm 2022 đạt 1,448 triệu tỷ đồng (vượt 22,9% dự toán), năm 2023 đạt 1,484 triệu tỷ đồng (vượt 11,2% dự toán), năm 2024 đạt 1,712 triệu tỷ đồng (vượt 18,5% so với dự toán).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu* (điểm 5 mục III).

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn* (điểm 2 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Mình bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là vềthuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; ...Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán*” (điểm 2,1 mục III).

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*” (điểm 5 Mục II Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

Thứ hai, việc yêu cầu lập hóa đơn đối với các giao dịch hàng hóa, dịch vụ theo từng giao dịch gây tăng thêm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân làm tăng chi phí về đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đặc biệt với các giao dịch

có số lượng lớn, giá trị rất nhỏ trong khi hệ thống kiểm soát các giao dịch của các doanh nghiệp là chặt chẽ.

Thứ ba, với số lượng giao dịch lớn, nhưng giá trị nhỏ làm hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế có khả năng bị quá tải so với công suất thiết kế có khả năng ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận, xử lý hóa đơn điện tử.

Do đó, cần thiết có những sửa đổi góp phần làm giảm chi phí tuân thủ mà vẫn đảm bảo số thu ngân sách và phù hợp với hệ thống hóa đơn điện tử.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Nghị định hóa đơn, chứng từ.

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế đã nêu trên, bám sát định hướng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính (TTHC), vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, vừa đảm bảo yêu cầu quản lý thuế, việc xây dựng Nghị định về quản lý hóa đơn, chứng từ cần tập trung xem xét, nghiên cứu các nội dung chính như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung

1.1 Giải thích từ ngữ (tại Điều 3): quy định, làm rõ một số thuật ngữ chuyên môn nhằm bảo đảm thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện, gồm 6 khoản trong đó:

- Nội dung mới bổ sung việc tham chiếu các từ ngữ quy định tại Nghị định này có nghĩa như quy định tại Luật Quản lý thuế

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: (1) Hóa đơn, chứng từ giả; (2) Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ;

- Nội dung kế thừa: (1) hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, (2) hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, (3) hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền; (4) Máy tính tiền; (5) tiêu hủy hóa đơn, chứng từ; (6) Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; (7) Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

1.2. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ (tại Điều 4) gồm 6 khoản cơ bản kế thừa quy định của tại Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP trong đó:

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: nguyên tắc lập hóa đơn, cung cấp dịch vụ cho phù hợp với nguyên tắc tại khoản 5 Điều 26 Luật QLT 108/2025/NĐ-CP.

- Nội dung kế thừa: nguyên tắc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; Việc đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử; Dữ liệu hóa đơn, chứng từ khi bán hàng hóa,

cung cấp dịch vụ, dữ liệu chứng từ khi thực hiện các giao dịch nộp thuế, khấu trừ thuế; Hóa đơn tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí.

1.3. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (tại Điều 8) Cơ bản kế thừa quy định về đối tượng sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của cơ quan thuế và bổ sung chứng khoán, tài sản mã hóa thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn không có mã của CQT; và đối tượng sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế; đối tượng sử dụng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định từ Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong đó:

- Nội dung mới: quy định các trường hợp không sử dụng hóa đơn điện tử được giao tại Điều 26 Luật QLT 108/2025/QH15 bao gồm: (1) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân không phải sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; (2) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thông qua sàn thương mại điện tử có chức năng thanh toán, đã được chủ quản sàn thương mại điện tử thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo từng giao dịch thì không phải lập hóa đơn điện tử, trừ trường hợp người mua yêu cầu thì chủ quản sàn thương mại điện tử có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử giao cho người mua; (3) Đại lý bảo hiểm, cá nhân hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện khấu trừ thuế đối với doanh thu lũy kế đạt ngưỡng doanh thu thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân thì không phải lập hóa đơn điện tử, trừ trường hợp người mua yêu cầu; (4) Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), giao dịch tiền gửi, giao dịch tài chính (chứng chi tiền gửi, chứng khoán, phát hành chứng khoán sơ cấp, giấy tờ có giá), bán nợ, giao dịch ngoại tệ và giao dịch sản phẩm phái sinh; (5) Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP không sử dụng hóa đơn điện tử.

Việc bổ sung này nhằm phù hợp với bản chất giao dịch, tránh thủ tục trùng lặp, giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm quản lý thuế đầy đủ. Ngoài ra, dự thảo quy định rõ các trường hợp không phải lập hóa đơn để thống nhất với Nghị định 181/2025/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ, điều chuyển tài sản trong nội bộ doanh nghiệp hoặc khi tổ chức lại doanh nghiệp, nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về thuế giá trị gia tăng và tránh phát sinh nghĩa vụ lập hóa đơn không cần thiết.

- Nội dung bổ sung mới: (1) Hóa đơn từ máy tính tiền không áp dụng đối với hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được thực hiện trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; (2) Trường hợp tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm a, điểm b thì không nhất thiết phải đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền.

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: Dự thảo thực hiện chỉnh lý kỹ thuật theo hướng *thay thế thuật ngữ “doanh nghiệp” bằng “tổ chức kinh tế”* nhằm bảo đảm phạm vi điều chỉnh bao quát đầy đủ các chủ thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư, trong đó “tổ chức kinh tế” được sử dụng để chỉ các chủ thể có tư cách pháp lý thực hiện hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chỉnh lý này không làm thay đổi chính sách, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan mà nhằm thống nhất thuật ngữ với pháp luật hiện hành, bảo đảm tính bao quát, đồng bộ.

- Nội dung kế thừa: (1) đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT; (2) quy định về cấp và kê khai xác định nghĩa vụ thuế khi CQT cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh; (3) Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý; quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính trước đây đã được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

1.4. Nội dung của hóa đơn (tại Điều 9) gồm 16 khoản cơ bản kế thừa từ quy định tại Điều 10 Nghị định 123 /2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng một mã số thuế cho nhiều cửa hàng, việc ghi rõ địa chỉ từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn đã được quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP về chính sách và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (2) Đối với hóa đơn điện tử lập theo hình thức ủy nhiệm, yêu cầu thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm được pháp điển hóa từ quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính. Việc nâng quy định này lên cấp Nghị định nhằm bảo đảm thứ bậc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, tăng tính ổn định, minh bạch và xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong quan hệ ủy nhiệm lập hóa đơn; (3) Bổ sung trường hợp người mua là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhưng tại thời điểm mua hàng hóa, dịch vụ không cung cấp mã số thuế là số định danh cá nhân của chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước hoặc không xác lập giao dịch với tư cách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thì giao dịch được xác định là giao dịch với cá nhân không

kinh doanh để làm không làm tăng nghĩa vụ của người bán hoặc trách nhiệm pháp lý của người bán khi người mua không cung cấp thông tin; (4) Bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô cần ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng người mua không phải khai tờ khai lệ phí trước bạ; cơ quan thuế sẽ xác định lệ phí trước bạ và thông báo cho người mua số tiền phải nộp ; (5) bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; (6) bổ sung hóa đơn điện tử ủy nhiệm và hóa đơn thương mại không nhất thiết phải có một số chỉ tiêu.

- Nội dung sửa đổi: làm rõ hàng hóa, dịch vụ khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại; hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng phù hợp với quy định của pháp luật, doanh nghiệp được lập hóa đơn tổng hợp cho các giao dịch phát sinh trong tháng, quý phù hợp với kỳ khai thuế giá trị gia tăng của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa.

- Nội dung kế thừa: (1) tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; (2) số hóa đơn; (3) tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán; (4) chữ ký của người bán, chữ ký của người mua; (5) thời điểm ký số; (6) Mã của cơ quan thuế; (7) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, chiết khấu thương mại, khuyến mại (nếu có); (8) Chữ viết, chữ số và đồng tiền thể hiện trên hóa đơn; (9) Nội dung của hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền; (10) Nội dung khác trên hóa đơn; (11) Nội dung hóa đơn bán tài sản công; (12) hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế.

1.5. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 10) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa từ quy định Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung quy định không lập hóa đơn đối với tiền đặt cọc cho dịch vụ đặt phòng, đặt chỗ cho lưu trú do khi đặt cọc thì người bán chưa cung cấp dịch vụ; (2) Bổ sung một số dịch vụ lập hóa đơn theo kỳ: đối với các dịch vụ trước đây đã được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC như dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức); và bổ sung dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan tài sản mã hóa cho phù hợp với thực tế và Nghị quyết 05/2025/NQ-CP về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa; (3) bổ sung việc lập hóa đơn hợp đồng bảo hiểm; (4) bổ sung quy định cho phép lập hóa đơn tổng cuối ngày hoặc cuối tháng đối với một số dịch vụ cung cấp cho cá nhân không kinh doanh

có hệ thống quản lý giao dịch điện tử, nhằm giảm chi phí tuân thủ nhưng vẫn bảo đảm cung cấp dữ liệu chi tiết khi cơ quan nhà nước yêu cầu.

- Nội dung kế thừa: (1) thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa; (2) lập hóa đơn đối với trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc theo từng mục, công đoạn dịch vụ.

1.6. Xử lý cố (Tại Điều 14) gồm 05 khoản cơ bản kế thừa Điều 20 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, đồng thời chỉnh lý kỹ thuật để phù hợp với mô hình tổ chức của Cục Thuế và Hệ thống thông tin quản lý thuế hiện hành, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: hướng dẫn xử lý sự cố khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, sự cố mất điện diện rộng, sự cố viễn thông diện rộng hoặc sự kiện khách quan khác làm cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế không thể thực hiện việc lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đúng thời hạn

- Nội dung sửa đổi cách diễn đạt về việc gửi dữ liệu hóa đơn điện tử khi gặp sự cố được xác định là sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

- Nội dung kế thừa: (1) người bán gặp sự cố; (2) lỗi do tổ chức cung cấp dịch vụ.

1.7. Thời điểm lập chứng từ (Điều 23) gồm 02 khoản cơ bản kế thừa quy định tại Điều 31 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: đối với thu nhập của cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản mã hóa đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tại nguồn, tổ chức chi trả, tổ chức khấu trừ không phải lập chứng từ khấu trừ thuế trừ khi người có thu nhập yêu cầu.

- Nội dung sửa đổi quy định hiện hành: thời điểm lập chứng từ khấu trừ thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc lập chứng từ tại Điều 4 Nghị định để thống nhất cách hiểu giữa các điều.

- Nội dung kế thừa: thời điểm ký số trên chứng từ

1.8. Sử dụng miễn phí dịch vụ về chứng từ điện tử (Điều 27) gồm 03 khoản kế thừa Điều 34 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: hộ, cá nhân kinh doanh có sử dụng dưới 10 người lao động và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được sử dụng miễn

phí nhằm hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trong việc sử dụng hóa đơn điện tử.

- Nội dung kế thừa: (1) Nhà nước đảm bảo kinh phí; (2) trường hợp NNT sử dụng dịch vụ về chứng từ của tổ chức cung cấp dịch vụ.

1.9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử (Điều 28) gồm 05 khoản, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế phí, lệ phí.

- Nội dung kế thừa: (1) quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản; (2) lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của chứng từ; (3) Chấp hành sự kiểm tra, đối chiếu của cơ quan quản lý thuế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.10. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 35) Cơ bản kế thừa Điều 46 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: đối tượng nhận ủy nhiệm lập hóa đơn là đối tượng sử dụng thông tin.

- Nội dung kế thừa: (1) Cục Thuế là đơn vị cung cấp thông tin; (2) Các bên sử dụng thông tin

1.11. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 36) gồm 04 khoản cơ bản kế thừa Điều 47 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, trong đó:

- Nội dung bổ sung mới: (1) bổ sung bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong nhóm là bên sử dụng thông tin là tổ chức kinh tế; bổ sung tổ chức được ủy quyền là bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khác; (2) Bổ sung hình thức cung cấp API chủ động từ Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử do nhiều tổ chức cung cấp giải pháp đang đề nghị được API dữ liệu hóa đơn người nộp thuế theo đề nghị của NNT để phục vụ công tác hỗ trợ tổng hợp dữ liệu lên tờ khai thuế của NNT; (3) Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử; đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quản lý thuế; chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

- Nội dung kế thừa: Việc cấp tối đa 02 tài khoản tra cứu.

2. Nội dung mới so với các Nghị định hiện hành (tại 02 Điều).

Dự thảo Nghị định bổ sung 02 Điều mới so với Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

2.1. Phương thức lập chứng từ điện tử quy định (1) Chứng từ điện tử được lập bằng phương tiện điện tử theo phương thức điện tử trực tiếp trên hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong quản lý thuế ; (2) Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực giao dịch phát sinh; tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế, phí và lệ phí

2.2 Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử (1) Người nộp thuế, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ về chứng từ điện tử có trách nhiệm thực hiện kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan quản lý thuế thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoặc hệ thống trung gian theo quy định; (2) Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm; (3) Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến việc không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thuế và thực hiện truyền dữ liệu ngay sau khi sự cố được khắc phục; (4) Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết chuẩn kết nối, phương thức truyền nhận, tần suất truyền dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật đối với việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

Việc quy định như trên đảm bảo nguyên tắc cơ bản của chứng từ điện tử theo Luật QLT 108/2025/QH15 và quy định các nguyên tắc về kết nối, tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử.

3. Nội dung bãi bỏ gồm 05 vấn đề sau:

3.1. Bãi bỏ quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy

- Việc bỏ các quy định liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy phù hợp với chủ trương chuyển đổi hoàn toàn sang hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

- Bỏ quy định các nội dung liên quan đến hóa đơn giấy, biên lai giấy tại phần giải thích từ ngữ, nội dung hóa đơn, nội dung chứng từ, bỏ quy định yêu cầu tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua khi gặp sự cố

3.2. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

Bỏ “hóa đơn chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc” trong khái niệm “sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ” để tránh việc người nộp thuế bị xử lý hành vi tăng nặng so với các vi phạm về hóa đơn.

3.3. Bỏ quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Bỏ quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh (tại Điều 8 dự thảo Nghị định) đối với trường hợp doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế có thanh lý tài sản để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản và sau khi doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể, phá sản và chấm dứt hiệu lực mã số thuế, doanh nghiệp không còn tư cách pháp lý và không còn là chủ thể thực hiện thủ tục hành chính thuế. Hiện nay, hệ thống ứng dụng quản lý thuế hiện hành được thiết kế gắn với mã số thuế của người nộp thuế, do đó, khi mà tài sản còn lại sau giải thể chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần; hoặc khi phá sản hoặc đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì tài sản của doanh nghiệp đã được xử lý xong.

3.4. Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ

Bỏ quy định về việc lập hóa đơn đối với hoạt động ngoại tệ cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của ngân hàng do ngân hàng không cung cấp dịch vụ hay thu phí đối với các hoạt động ngoại tệ thực hiện theo pháp luật về tổ chức tín dụng.

3.5. Bỏ quy định Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử

Bỏ quy định Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT để giảm thủ tục hành chính cho tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi dữ liệu chứng từ điện tử đã được chuyển cho cơ quan thuế.

4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Bỏ các quy định về hóa đơn do cơ quan thuế đặt in, biên lai giấy theo hình thức đặt in, tự in.

Đồng thời nội dung của hóa đơn (tại Điều 9 dự thảo Nghị định): Cơ bản kế thừa quy định tại Điều 10 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và sửa đổi câu chữ theo hướng rõ ràng, bổ sung nội dung trên hóa đơn đối với hàng hóa phải đăng ký là ô tô, mô tô cần ghi rõ số khung, số máy, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, số seri giấy chứng nhận đăng kiểm để cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng bỏ tờ khai lệ phí trước bạ; bổ sung tỷ lệ % tính thuế GTGT trên hóa đơn bán hàng để hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo tờ

khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; bỏ thủ tục hành chính khi xử lý sự cố (Mẫu số BC26/HĐG) và việc lập báo cáo biên lai điện tử của tổ chức thu thuế, phí, lệ phí (Mẫu số BC26/BLĐT) do cơ quan thuế đã có dữ liệu biên lai điện tử.

Dự thảo Nghị định quy định thực hiện thủ tục hành chính thuế chủ yếu bằng phương thức điện tử; cắt giảm thành phần hồ sơ giấy; đơn giản hóa quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo nguyên tắc một lần cung cấp, nhiều lần sử dụng, thời hạn cung cấp thông tin được chuẩn hóa, rút ngắn, quy định rõ, qua đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định hóa đơn, chứng từ và một số đề xuất, kiến nghị của Bộ Tài chính đối với dự án Nghị định quy định về hóa đơn, chứng từ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, CT (VT, PC, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn